

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHỢ GẠO Độc Lập - Tự Do – Hạnh Phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: **406/2019/KDTM-ST**

Ngày: 14/11/2019

*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Phạm Văn Tài**;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phương Khanh

2. Ông Châu Vũ Bình

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 454/2019/TLST-DS ngày 04/12/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2019/QĐXXST-KDTM ngày 20/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2019/QĐST-KDTM ngày 18/10/2019 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần A;

Địa chỉ: Phường M, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

* *Người đại diện theo pháp luật:* **Trần Tuấn A1**, chức vụ: Tổng Giám đốc

* *Người đại diện theo ủy quyền:* **Nguyễn Việt S.** Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Tiền Giang;

* *Người đại diện theo ủy quyền lại:* **Nguyễn Phước A1**, sinh năm 1976. Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng khách hàng cá nhân;

2. Bị đơn:

1. Nguyễn Thị B, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Châu Thành, Bến Tre

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1951.

2. Trần Thị E, sinh năm 1955 (chết)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

4. Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị E:

1. Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

3. Nguyễn Văn D, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

4. Trương Thị G1, sinh năm 1937

Địa chỉ: ấp M3, xã N1, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

(anh A1, anh C, chị G và ông D có mặt;

các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại biên bản hòa giải, ông Nguyễn Phước A1 là đại diện ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày: Ngày 21/10/2016 và ngày 31/10/2016 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B có ký 02 hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng TMCP A, Chi nhánh Tiền Giang tổng số tiền là 1.140.000.000 đồng, cụ thể như sau:*

1 – Hợp đồng tín dụng số: 374/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 21/10/2016;

- Số tiền vay: 690.000.000 đồng;

- Mục đích vay: hoàn vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

- Giải ngân ngày: 21/10/2016;

- Thời hạn vay: 120 tháng;

- Lãi suất cho vay: 11.70%/năm.

Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A tại thời điểm thay đổi lãi suất + biên độ 4,05%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay).

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.

- Hình thức thanh toán: trả gốc và lãi hàng tháng.

2 – Hợp đồng tín dụng số: 388/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 31/10/2016;

- Số tiền vay: 450.000.000 đồng;

- Mục đích vay: bổ sung vốn nâng cấp và sửa chữa nhà trọ;

- Giải ngân ngày: 01/11/2016;

- Thời hạn vay: 120 tháng;

- Lãi suất cho vay: 12.24%/năm.

Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A tại thời điểm thay đổi lãi suất + biên độ 4,05%/năm. Lãi suất ngay sau

khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay).

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.

- Hình thức thanh toán: trả gốc và lãi hàng tháng.

3- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 374/2016/HĐTC-BĐS/2200-5992 ngày 21/10/2016.

- Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B thế chấp để bảo đảm vay vốn tại Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng thế chấp số 374/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 21/10/2016 là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 153555, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH07397 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/11/2015, thửa đất số: 500, tờ bản đồ số: 15, diện tích 1508.4 m² mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được công chứng vào ngày 21/10/2016 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bến Tre và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

4- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 388/2016/HĐTC-BĐS/2200-5992 ngày 31/10/2016.

- Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị E thế chấp để bảo đảm vay vốn tại Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng thế chấp số 388/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 31/10/2016 là quyền sử dụng đất số 1762994, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 751/QSDĐ/2484 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 26.11.1996, thửa đất số: 761, 758, tờ bản đồ số: 02, diện tích 3.062 m² mục đích sử dụng: QT+2L, địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang. Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được công chứng vào ngày 21/10/2016 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

5. Quá trình thanh toán nợ: Đến hạn trả nợ, Ngân hàng nhiều lần thông báo làm việc, yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B thanh toán dứt nợ, ông, bà nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 08/8/2018 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B còn nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A số tiền cụ thể như sau:

- Vốn gốc: 1.090.000.000 đồng;

- Lãi trong hạn: 182.347.825 đồng;

- Tiền phạt chậm trả lãi: 22.191.529 đồng;

- Phạt quá hạn gốc: 6.188.090 đồng.

- Tổng cộng: 1.300.997.444 đồng;

- Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết các yêu cầu sau:

+ Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày

14/11/2019 là 1.479.234.446 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ.

+ Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B không thanh toán nợ đúng hạn, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất ở các hợp đồng thế chấp nêu trên.

* Tại biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn C, chị B cùng trình bày: anh, chị thống nhất có ký hợp đồng tín dụng và vay vốn theo 02 Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng trình bày. Anh, chị thống nhất số nợ mà Ngân hàng khởi kiện. Anh, chị xin trả số nợ này như sau:

- Anh C xin đến ngày 06.5.2019 sẽ trả 50% số nợ của Hợp đồng tín dụng số 388/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 31/10/2016, sau đó sẽ thỏa thuận phương án trả nợ;

- Chị B xin đến ngày 25.4.2019 sẽ trả toàn bộ nợ gốc và lãi phạt, lãi quá hạn của số nợ theo Hợp đồng tín dụng 374/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 21/10/2016, sau đó sẽ thỏa thuận phương án trả nợ;

Tại phiên tòa, chị B vắng mặt. Anh C xin trả phần nợ vốn, lãi của Hợp đồng tín dụng số 388/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 31/10/2016, phần nợ của Hợp đồng tín dụng 374/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 21/10/2016 sẽ do chị B chịu trách nhiệm trả.

* Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà E, ông Nguyễn Văn D trình bày: Ngày 30/10/2016, ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị E có ký hợp đồng thế chấp thế chấp diện tích đất diện tích 3.062m², tờ bản đồ 02, thửa đất 761, 758, đất tọa lạc tại ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 751/QSDD/2484 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 26/11/1996 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 388/2016/HĐTC-BDS/2200-5592 ngày 31/10/2016 để con trai ông là Nguyễn Văn C, con dâu là Nguyễn Thị B vay vốn Ngân hàng A.

Nay C và B không trả được nợ Ngân hàng đúng hạn nên Ngân hàng khởi kiện ông đồng ý việc khởi kiện này và đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mãi, nếu C, B không trả nợ Ngân hàng.

* Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà E, chị Nguyễn Thị Trúc G trình bày: chị là con ông D và bà E, cha mẹ chị có 02 người con là anh C và chị, bà E đã chết. Ngày 30/10/2016, cha mẹ chị có ký hợp đồng thế chấp thế chấp diện tích đất diện tích 3.062m², tờ bản đồ 02, thửa đất 761, thửa 758, đất tọa lạc tại ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 751/QSDD/2484 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 26/11/1996 cho hộ ông Nguyễn Văn D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 388/2016/HĐTC-BDS/2200-5592 ngày 31/10/2016 để Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị B vay vốn Ngân hàng A.

Nay C và B không chỉ trả được nợ Ngân hàng đúng hạn nên Ngân hàng khởi kiện. Chị đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mãi, nếu C, B không trả xong nợ cho Ngân hàng.

* Tại biên bản ghi lời khai, bà Trương Thị G1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà E trình bày: bà là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị E, hiện E đã chết. Việc gia đình E thế chấp tài sản vay Ngân hàng, bà không biết. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ kiện: yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Trương Thị G1 có yêu cầu xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử đến lần thứ hai nhưng chị vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Ngày 21/10/2016 và ngày 31/10/2016, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A cùng anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B ký 02 hợp đồng tín dụng và cùng anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị E ký 02 hợp đồng thế chấp tài sản để cho vợ chồng chị C, bà B vay số tiền 1.140.000.000 đồng để hoàn vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bổ sung vốn nâng cấp và sửa chữa nhà trọ. Anh Nguyễn Văn C có đăng ký kinh doanh và được UBND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 55B80010723CT/HKD ngày 11/01/2016 do anh Nguyễn Văn C đại diện hộ kinh doanh, ngành nghề kinh doanh: nhà trọ cho thuê theo tháng. Do vợ chồng anh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh C trả nợ đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ do đó Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại và quan hệ tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, do bị đơn cư trú tại ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 90, Điều 91,

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 21/10/2016 và 31/10/2016, Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là Ngân hàng) cùng anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B ký hợp đồng hợp đồng tín dụng 374/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 21/10/2016, hợp đồng tín dụng số 388/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 31/10/2016 và cùng thời gian này Ngân hàng cùng anh C, chị B, ông D, bà E ký hợp đồng thế chấp tài sản số 374/2016/HĐTC-BDS/2200-5992 ngày 21/10/2016, hợp đồng thế chấp tài sản số 388/2016/HĐTC-BDS/2200-5992 ngày 31/10/2016 để vay số tiền tổng cộng 1.140.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên vào ngày 21/10/2016 và ngày 01/11/2016. Ngày 29/12/2018, bà E chết do bệnh, gia đình có khai tử và được UBND xã N1 cấp giấy chứng tử số 06 ngày 09/01/2019. Trong quá trình vay, tính đến ngày 09/8/2018 vợ chồng anh C có trả được 49.750.000 đồng tiền vốn rồi ngưng, sau đó trong quá trình Ngân hàng khởi kiện, anh C, chị B có trả được số tiền 23.000.000 đồng tiền vốn rồi ngưng không trả vốn, lãi mặc dù được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 3 của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên do đó Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp Điều 9 của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên về thu hồi trước hạn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/11/2019 là 1.067.250.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi: Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả, phạt chậm trả gốc của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên đối với số tiền vốn 1.090.250.000 đồng theo lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả, phạt chậm trả gốc đã thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày xét xử là ngày 14/11/2019 với số tiền là 411.984.446 đồng. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng về việc quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, trong đó quy định rõ "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*", các yêu cầu tính lãi này phù hợp với thỏa thuận của các đương sự tại Điều 2 của các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ngân hàng, buộc vợ chồng anh C, chị B liên đới trả cho Ngân hàng số tiền lãi của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên là 411.984.446 đồng.

[5] Về thời gian trả: Ngân hàng yêu cầu anh C, chị B trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Anh C xin trả phần nợ vốn, lãi của Hợp đồng tín dụng số 388/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 31/10/2016, phần nợ của Hợp đồng tín dụng 374/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 21/10/2016 sẽ do chị B chịu trách nhiệm trả. Xét thấy việc vay vốn Ngân hàng do anh C và chị B cùng vay và cùng sử dụng nguồn vốn này nay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì anh, chị có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số nợ này. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì phía anh C, chị B đã vi phạm nghĩa vụ dân sự, vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng

nên Hội đồng xét xử buộc anh C, chị B trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số 1762994, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 751/QSDD/2484 do UBND huyện Chợ Gạo cấp ngày 26/11/1996 cho Nguyễn Văn D gồm thửa đất số: 761, 758, tờ bản đồ số: 02, diện tích 3.062 m² mục đích sử dụng: QT+2L, địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 153555, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH07397 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/11/2015 cho anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B, thửa đất số: 500, tờ bản đồ số: 15, diện tích 508.4m² mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để thu hồi nợ trong trường hợp anh C, chị B thực hiện không đúng hoặc không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu này phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với việc xử lý tài sản thế chấp mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 10 của 02 hợp đồng thế chấp tài sản và Điều 10 của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

[9] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A;**

1. Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A số tiền vốn 1.067.250.000 đồng và tiền lãi (tính đến ngày 14/11/2019) là 411.984.446 đồng, tổng cộng vốn và lãi 1.479.234.446 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng*), thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày 15/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 388/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 31/10/2016 và Hợp đồng tín dụng 374/2016/HĐTD/2200-5992 ngày 21/10/2016 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Trường hợp anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B không trả xong nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối thừa đất số: 761, 758, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.062 m² mục đích sử dụng: QT+2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1762994, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 751/QSDD/2484 do UBND huyện Chợ Gạo cấp cho Nguyễn Văn D ngày 26/11/1996, tọa lạc: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang và thửa đất số: 500, tờ bản đồ số 15, diện tích 508.4 m² mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 153555, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH07397 do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp cho anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B ngày 23/11/2015, tọa lạc: xã N, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

(Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 374/2016/HĐTC-BDS/2200-5992 ngày 21/10/2016 ký giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A, Chi nhánh Tiền Giang với anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị B và Hợp đồng thế chấp tài sản số 388/2016/HĐTC-BDS/2200-5992 ngày 31/10/2016 ký giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ phần A với ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị E).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B phải liên đới chịu số tiền 56.377.033 đồng.

+ Hoàn lại Ngân hàng TMCP A số tiền 25.514.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0015332 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(đã ký)

PHẠM VĂN TÀI